TÒA ÁN NHÂN DÂN
HU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1994; nơi thường trú: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Nhà T, đường D, M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp A, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 09 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng G trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Quốc C là vợ chồng, chung sống năm 2019, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành Phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2019, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020.

Nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị G yêu cầu ly hôn với anh C; Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020. Chị G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của anh C về việc yêu cầu chia tài sản chung số tiền là 100.000.000 đồng, ý kiến của chị G như sau:

Sau khi cưới về vợ chồng có tài sản chung là 120.000.000 đồng gửi tiết kiệm, tiền này là do bán vàng cưới mà có. Sau đó, hai vợ chồng thống nhất rút 20.000.000 đồng để chị G thanh toán các khoản viện phí khi sinh con. Đến năm 2021, rút 100.000.000 đồng về đưa cho anh C để mua đầu tư lan, anh C phải có trách nhiệm hoàn trả lại. Tháng 5/2022, chị G dẫn bé N về nhà mẹ ruột tại Tây Ninh sinh sống.

Đến ngày 30/7/2024 chị G nhận chuyển khoản từ anh C số tiền 50.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Trần Thị Yến N1 (chị gái anh C). Đây là số tiền anh C chuyển trả lại tiền đã lấy mua lan, tiền này chị G sử dụng vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, hiện số tiền này không còn. Tiền này sử dụng vào việc cho cháu N đi học tại Trường R từ tháng 4/2024 đến tháng 10/2024 tổng số tiền là 46.000.000 đồng.

Ngày 09/11/2024: Chị G nhận chuyển khoản từ anh C số tiền 100.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Trần Thị Yến N1 (chị gái anh C). Số tiền này có 50.000.000 đồng anh C hoàn trả tiền đã lấy để mua lan và 50.000.000 đồng là tiền anh C hỗ trợ nuôi con trong 25 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, đây là những tháng cháu N sống với chị G. Số tiền 50.000.000 đồng anh C trả lại khi mua lan thì chị G đã sử dụng để chi trả 02 gói tiêm ngừa cho cháu N số tiền là 4.900.000 đồng và 18.000.000 đồng; số tiền còn lại chị G đã chi cho việc thăm khám điều trị cho cháu N tại bệnh viện. Việc sử dụng tài sản chung vào chi phí điều trị thăm khám cho cháu N là do chị G thời điểm nuôi con không có việc làm, không có thu nhập.

Quá trình tố tụng anh C trình bày:

Anh C đồng ý dùng tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng để chi trả 46.000.000 đồng cho bé học trường R, số còn lại là 54.000.000 đồng, anh C yêu cầu chia đôi mỗi người 27.000.000 đồng. Yêu cầu chị G giao lại anh C 27.000.000 đồng chị G không đồng ý. Toàn bộ số tiền là tài sản chung do anh C chuyển đều đã được sử dụng vào việc chăm sóc con, hiện nay không còn nên không đồng ý giao cho anh C số tiền 27.000.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Quốc C trình bày: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, về con chung, nợ chung.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng do chị G giữ. Cụ thể như sau:

Ngày 30/7/2024, anh C chuyển khoản cho chị G số tiền 50.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Trần Thị Yến N1 (chị gái anh C).

Ngày 09/11/2024, anh C chuyển khoản cho chị G số tiền 100.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Trần Thị Yến N1 (chị gái anh C). Số tiền này có 50.000.000 đồng anh C hoàn trả tiền đã lấy để mua lan và 50.000.000 đồng là tiền anh C hỗ trợ nuôi con trong 25 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, đây là những tháng cháu

N sống với chị G. Anh C đồng ý dùng tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng để chi trả 46.000.000 đồng cho bé học trường R, số còn lại là 54.000.000 đồng, anh C yêu cầu chia đôi mỗi người 27.000.000 đồng. Yêu cầu chị G giao lại anh C 27.000.000 đồng.

Đối với cháu N về sống với anh C khoảng tháng 12 năm 2024. Mọi chi phí thăm khám, chăm sóc sức khỏe cho cháu N anh C không liệt kê, không yêu cầu chị G cùng chi trả.

Về nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị G yêu cầu ly hôn với anh C; Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020. Chị G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị gấm không đồng ý yêu cầu phản tố của anh C về tài sản chung.

Bị đơn anh C trình bày như sau: Về hôn nhân: đồng ý ly hôn với yêu cầu của chị G; về con chung: yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020 và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Trong quá trình tố tụng, anh C có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn số tiền 54.000.000 đồng, yêu cầu chị G bàn giao cho anh C số tiền 27.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh C rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với số tiền 31.100.000 đồng (rút 15.550.000 đồng), yêu cầu chị G bàn giao số tiền 15.550.000 đồng là số tiền trong khối tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Quá trình chung sống chị G và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn do bị đơn rút một phần yêu cầu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Quốc C có nơi cư trú tại Ấp A, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Hồng G khởi kiện anh Trần Quốc C yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, anh C yêu cầu chia tài sản khi ly hôn do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Quốc C là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Chị G yêu cầu ly hôn anh C do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau, anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G. Có cơ sở xác định hôn nhân của chị G, anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị G yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Quốc C có 01 con là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020. Con chung hiện đang sống với anh C. Xét, chị G có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Tại phiên tòa, anh C thừa nhận có tham gia vào các tệ nạn xã hội (chơi game, cá độ đá banh trên các trang mạng), Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị G và anh C thống nhất tài sản chung là 100.000.000 đồng. Trong đó 20.000.000 đồng là chi phí đi sinh; 46.000.000 đồng là tiền đóng học phí cho con. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với số tiền còn lại 54.000.000 đồng, anh C yêu cầu Chị gấm chia đôi mỗi người 27.000.000 đồng do đây là tài sản chung, tại phiên tòa, anh C xin rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu chị G bàn giao lại số tiền 15.500.000 đồng. Chị G trình bày số tiền trên đã sử dụng vào việc chăm sóc con và tiền khám chữa bệnh cho con. Xét thấy bé N bị bệnh "Rối loạn phổ tự kỷ", việc chị G sử dụng số tiền 54.000.000 đồng để chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị bệnh cho bé N (con chung) có những chứng từ kèm theo là những chi phí hợp lý và chính đáng, số tiền bán vàng đã tồn tại dưới dạng chi tiêu, số tiền hiện nay cũng không còn. Yêu cầu phản tố của bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với phần yêu cầu bị đơn đã rút là 11.500.000 đồng.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 200, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 33, Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng G đối với bị đơn anh Trần Quốc C về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Quốc C.

- Về nuôi con chung: giao cháu Trần Thảo N, sinh ngày 20/11/2020 cho chị Lê Thị Hồng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 68.900.000 (sáu mươi tám triệu chín trăm) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng số tiền 31.100.000 (ba mươi mốt triệu một trăm) đồng.

4. Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032644 ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H. Chị G đã nộp xong.

- Anh Trần Quốc C phải chịu 1.555.000 (một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051752 ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H. H lại cho anh C số tiền 945.000 (chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã An Long, thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy CNĐKKH số 18 ngày 28-11-2019;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

x Nguyễn Thị Mai